

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 11 năm 2022

### THƯ MỜI BÁO GIÁ

**Hóa chất sinh phẩm vật tư tiêu hao phục vụ cho hoạt động phòng chống dịch bệnh năm 2022 của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh**

Kính gửi: Các đơn vị quan tâm

Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh đang có kế hoạch về việc mua sắm hóa chất sinh phẩm vật tư tiêu hao phục vụ cho hoạt động phòng chống dịch bệnh;

Để có cơ sở để xây dựng giá dự toán, Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh mời các đơn vị quan tâm tham gia chào giá cho các nội dung như sau:

| TT | Nội dung cầu                                  | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                         | Quy cách đóng gói | Đơn vị tính | Số lượng |
|----|-----------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------|----------|
| 1  | 1N NaOH                                       | pH > 12.5, molecular biology-grade                                                                                                                        | Bộ                | Bộ          | 1        |
| 2  | Agencourt AMPure XP                           | Tinh sản phẩm khuếch đại dựa trên cơ chế hoạt động của hạt từ tính SPRI loại bỏ các chất gây ô nhiễm (dNTPs, muối, mồi dư,...).<br>Mẫu đầu vào : DNA      | Bộ                | Bộ          | 1        |
| 3  | Albumin thu nhận từ bovine serum              | Albumin Bovin dạng bột, FractionV,                                                                                                                        | Hộp 1kg           | Hộp         | 1        |
| 4  | Amphotericin B                                | Nồng độ: 0,25 – 2,5 µg/mL<br>Loại sinh phẩm: Kháng nấm<br>Đã được xử lý vô trùng<br>Trạng thái: Lỏng<br>Có tác dụng ngăn chặn nhiễm trong nuôi cấy tế bào | 50 mL/<br>Chai    | Chai        | 1        |
| 5  | Aniosyme DD1                                  | Ngâm dụng cụ, có hoạt tính enzym                                                                                                                          | Chai              | Chai        | 1        |
| 6  | Kit giải trình tự DNA dùng cho máy ABI 3130XL | Thành phần:<br>• 1 × 800µl tube of BigDye® Terminator v3.1 Ready Reaction Mix<br>• 1 tube M13 (-21) Primer<br>• 1 tube pGEM Control DNA                   | Hộp/100 test      | Hộp         | 4        |

| TT | Nội dung cầu                    | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                        | Quy cách đóng gói     | Đơn vị tính | Số lượng |
|----|---------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-------------|----------|
|    |                                 | • 2 × 1 ml tubes of 5X Sequencing Buffer                                                                                                                                                                 |                       |             |          |
| 7  | Bình nhựa 1 lít                 | Bình nhựa trắng 1 lít dùng 1 lần                                                                                                                                                                         | Cái                   | Cái         | 100      |
| 8  | Bình nhựa 2 lít                 | Bình nhựa trắng 2 lít dùng 1 lần                                                                                                                                                                         | Cái                   | Cái         | 100      |
| 9  | Bình tam giác chịu nhiệt 250ml  | Bình tam giác - 250ml<br>Dùng cho các ứng dụng có nhiệt độ cao<br>- Chất liệu: Thủy tinh/ Dung tích: 125ml<br>- Thang chia vạch dễ đọc và dễ dàng ghi chú trên vùng nhãn rộng bằng men trắng, độ bền cao | Cái                   | Cái         | 1        |
| 10 | Bình tam giác chịu nhiệt 125 ml | Bình tam giác - 125ml<br>Dùng cho các ứng dụng có nhiệt độ cao<br>- Chất liệu: Thủy tinh/ Dung tích: 125ml<br>- Thang chia vạch dễ đọc và dễ dàng ghi chú trên vùng nhãn rộng bằng men trắng, độ bền cao | Cái                   | Cái         | 1        |
| 11 | Bình tam giác chịu nhiệt 500 ml | Bình tam giác - 500ml<br>Dùng cho các ứng dụng có nhiệt độ cao<br>- Chất liệu: Thủy tinh/ Dung tích: 125ml<br>- Thang chia vạch dễ đọc và dễ dàng ghi chú trên vùng nhãn rộng bằng men trắng, độ bền cao | Cái                   | Cái         | 1        |
| 12 | Bình tia                        | Nhựa dẻo                                                                                                                                                                                                 | Cái                   | Cái         | 2        |
| 13 | Bình xịt cồn                    | Bình xịt cồn                                                                                                                                                                                             | Cái                   | Cái         | 5        |
| 14 | Bộ thuốc nhuộm Gram             | Bộ gồm 4 chai (mỗi chai 250ml) - 1 chai Crystal violet (250ml) - 1 chai Safranin (250ml) - 1 chai lugol (250ml) - 1 chai nước tẩy màu (250ml)<br>• Tiêu chuẩn chất lượng Châu Âu/G7: DIN ISO, CE         | Bộ gồm 4 hộp x 250 mL | Bộ          | 2        |
| 15 | Bơm kim tiêm 5ml/1cc            | Được làm từ vật liệu nhựa PP dùng trong y tế theo chuẩn quốc tế. Kích cỡ kim 23Gx1". Chất liệu làm kim thép không gỉ, có đủ độ cứng cơ khí và không bị ôxi hóa                                           | Hộp (100c)            | Hộp         | 2        |

| TT | Nội dung cầu                                      | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Quy cách đóng gói | Đơn vị tính | Số lượng |
|----|---------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------|----------|
| 16 | Bordet Gengou                                     | Môi trường nuôi cấy vi khuẩn ho gà<br>Potato infusion 4.50g<br>Sodium Chloride 5.50g<br>Agar 20.00g<br>Final pH of the ready to use medium:<br>6.7 +/- 0.2 at 25°C                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Hộp/500g          | Hộp         | 1        |
| 17 | Bột kẽm                                           | Thuốc thử sinh hóa định danh vi khuẩn<br>- Thành phần: Zinc dust                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Hộp/2x10 g        | Hộp         | 1        |
| 18 | Catalase                                          | Mỗi gói chứa chai nhỏ giọt 1 ml và 1 tờ hướng dẫn.<br>Dung dịch hydrogen peroxide (3%).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Bộ                | Bộ          | 1        |
| 19 | Chai nuôi cấy tế bào 75cm <sup>2</sup> có lọc     | Diện tích nuôi cấy: 75cm <sup>2</sup><br>Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng<br>Thân chai được thiết kế phần vai tròn tiện cho việc thu hoạch tế bào.<br>Vật liệu: Thân chai làm bằng Polystyrene, nắp làm bằng High Density Polyethylene<br>Bề mặt nuôi cấy được xử lý, dễ dàng bám dính, hình chữ nhật, vent cap, cổ vênh (canted) giúp cho dễ dàng trong thao tác cấy.<br>Thể tích chứa tốt nhất từ 15-22.5 ml<br>Thể tích chứa tối đa: 45ml<br>Đã khử trùng, không chứa nội độc tố gây sốt. Tiệt trùng bằng phóng xạ gamma và được chứng nhận nonpyrogenic<br>Sản phẩm nuôi cấy tế bào được làm từ vật liệu USP class VI | Thùng 100 cái     | Thùng       | 1        |
| 20 | Chai nuôi cấy tế bào không lọc 25 cm <sup>2</sup> | Hình dạng chai: Hình chữ nhật<br>Kiểu cổ chai: dạng xéo<br>Được xử lý bề mặt bằng TC<br>Phạm vi chia độ: 5-30 mL<br>Diện tích bề mặt: 25 cm <sup>2</sup><br>Thể tích nuôi: 5-7,5 mL<br>Chai và nắp được xử lý vô trùng<br>Kiểu nắp con dấu, có ron<br>Đường kính nắp 20 mm<br>Chất liệu nắp Polyethylene mật độ cao<br>Độ bám của tế bào lên bề mặt nuôi tốt                                                                                                                                                                                                                                                                | 500 chai/ thùng   | Thùng       | 1        |

| TT | Nội dung cầu                | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Quy cách đóng gói | Đơn vị tính | Số lượng |
|----|-----------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------|----------|
| 21 | Chất nhuộm DNA              | Nồng độ 20.000x                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | lọ 1 ml           | lọ          | 3        |
| 22 | Chủng vi khuẩn chuẩn        | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Chủng chuẩn có dạng đông khô.</li> <li>• Đời thế hệ F1-F3</li> <li>• Có lý lịch nguồn gốc được xác nhận bởi tổ chức có uy tín</li> </ul>                                                                                                                                | Bộ                | Bộ          | 4        |
| 23 | Cloroform                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 2.5lit/ chai      | chai        | 1        |
| 24 | Cốc có mỏ thủy tinh 100 ml  | <p>Cốc có mỏ thủy tinh 100 ml</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thang chia vạch dễ đọc và dễ dàng ghi chú trên vùng nhãn rộng bằng men trắng, độ bền cao.-</li> <li>Cốc có mỏ thuận tiện cho việc rót ra</li> <li>- Độ dày thành bình đồng nhất, lý tưởng cho các ứng dụng ở nhiệt độ cao</li> </ul>  | Cái               | Cái         | 1        |
| 25 | Cốc có mỏ thủy tinh 1000 ml | <p>Cốc có mỏ thủy tinh 1000 ml</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thang chia vạch dễ đọc và dễ dàng ghi chú trên vùng nhãn rộng bằng men trắng, độ bền cao.-</li> <li>Cốc có mỏ thuận tiện cho việc rót ra</li> <li>- Độ dày thành bình đồng nhất, lý tưởng cho các ứng dụng ở nhiệt độ cao</li> </ul> | Cái               | Cái         | 1        |
| 26 | Cốc có mỏ thủy tinh 250 ml  | <p>Cốc có mỏ thủy tinh 250 ml</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thang chia vạch dễ đọc và dễ dàng ghi chú trên vùng nhãn rộng bằng men trắng, độ bền cao.-</li> <li>Cốc có mỏ thuận tiện cho việc rót ra</li> <li>- Độ dày thành bình đồng nhất, lý tưởng cho các ứng dụng ở nhiệt độ cao</li> </ul>  | Cái               | Cái         | 1        |
| 27 | Cốc có mỏ thủy tinh 500 ml  | <p>Cốc có mỏ thủy tinh 500 ml</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thang chia vạch dễ đọc và dễ dàng ghi chú trên vùng nhãn rộng bằng men trắng, độ bền cao.-</li> <li>Cốc có mỏ thuận tiện cho việc rót ra</li> <li>- Độ dày thành bình đồng nhất, lý tưởng cho các ứng dụng ở nhiệt độ cao</li> </ul>  | Cái               | Cái         | 1        |
| 28 | Cồn 70                      | <p>Cồn dùng trong lĩnh vực y tế</p> <p>Ethanol 70%</p> <p>Diệt khuẩn Staphylococcus aureus, Pseudomonas aeruginosa, Shigella flexneri, Bacillus subtilis, Mycobacterium tuberculosis và nấm</p>                                                                                                                  | Lít               | Lít         | 115      |

| TT | Nội dung cầu               | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Quy cách đóng gói | Đơn vị tính | Số lượng |
|----|----------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------|----------|
|    |                            | Candida albicans sau thời gian tiếp xúc 2 phút.<br>Diệt khuẩn dụng cụ y tế, bề mặt trong y tế.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                   |             |          |
| 29 | Cồn 90                     | Cồn 90                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Lít               | Lít         | 120      |
| 30 | Cryobank                   | Cryobank dùng để bảo quản vi sinh vật ở nhiệt độ thấp. Mỗi lọ bao gồm 20 hạt thủy tinh.<br>- Đóng gói: Hộp/80 ống<br>- Tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Hộp/80 ống        | Hộp         | 4        |
| 31 | Đầu côn 0.5-10μL không lọc | Đầu tip trắng 10ul không lọc được sản xuất từ polypropylene tinh khiết với chứng nhận FDA Hoa Kỳ<br>Không chứa DNAase, RNAase, DNA người, Pyrogene, chất ức chế PCR, nội độc tố và độc tố tế bào.<br>- Không chứa kim loại nặng.<br>- Thích ứng với nhiều loại pipette.<br>- Trên các tip có những vạch chia độ.<br>- Độ lưu giữ thấp giúp thu hồi tối đa mẫu.<br>- Tương thích với nhiều loại micropipet hiện có trên thị trường.<br>- Đóng gói: 1000 tip/gói<br>- Đạt chứng nhận ISO13485, ISO 17025, ISO 9001; CE                     | 1000 tip/gói      | Gói         | 16       |
| 32 | Đầu côn 50-1250 ul         | Đầu tip 1000ul loại dài, hút được tối đa 1250ul được sản xuất từ polypropylene tinh khiết với chứng nhận FDA Hoa Kỳ;<br>- Không chứa DNAase, RNAase, DNA người, Pyrogene, chất ức chế PCR, nội độc tố và độc tố tế bào.<br>- Không chứa kim loại nặng.<br>- Thích ứng với nhiều loại pipette.<br>- Trên các tip có những vạch chia độ.<br>Độ lưu giữ thấp giúp thu hồi tối đa mẫu.<br>- Tương thích với nhiều loại micropipet hiện có trên thị trường.<br>- Đóng gói: 1000 tip/gói<br>- Đạt chứng nhận ISO13485, ISO 17025, ISO 9001; CE | 1000 tip/gói      | Gói         | 3        |

| TT | Nội dung cầu                           | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Quy cách đóng gói        | Đơn vị tính | Số lượng |
|----|----------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|-------------|----------|
| 33 | Đầu côn có lọc 10 $\mu$ l              | <p>Biên độ thể tích: 0,2-10<math>\mu</math>L</p> <p>Có đầu lọc</p> <p>Chỉ sử dụng 1 lần</p> <p>Chiều dài của đầu côn: &gt; 3,3 cm</p> <p>Màu sắc: Trong suốt</p> <p>Đã được xử lý vô trùng. Không nhiễm DNA, RNA, DNase, RNase</p> <p>Đề trong hộp có giá đỡ</p> <p>Dung dịch khi bơm hút không dính lại trên đầu côn</p> <p>Phù hợp với nhiều loại micropipet với thể tích tương ứng</p>                                           | 96 cái/hộp               | Hộp         | 372      |
| 34 | Đầu côn có lọc 100 $\mu$ l             | <p>Biên độ thể tích: 1-100 <math>\mu</math>L</p> <p>Có các vạch chia 10, 50, 100</p> <p>Có đầu lọc</p> <p>Chỉ sử dụng 1 lần</p> <p>Màu sắc: Trong suốt</p> <p>Đã được xử lý vô trùng. Không nhiễm DNA, RNA, DNase, RNase</p> <p>Đề trong hộp có giá đỡ</p> <p>Dung dịch khi bơm hút không dính lại trên đầu côn</p> <p>Chiều dài của đầu côn: &gt; 5 cm</p> <p>Phù hợp với nhiều loại micropipet với thể tích tương ứng</p>         | 96 cái/hộp, 10 hộp/thùng | Hộp         | 60       |
| 35 | Đầu côn có lọc 1000 $\mu$ l            | <p>Biên độ thể tích: 100-1000 <math>\mu</math>L</p> <p>Có các vạch chia 250, 200, 1000</p> <p>Có đầu lọc</p> <p>Chỉ sử dụng 1 lần</p> <p>Màu sắc: Trong suốt</p> <p>Đã được xử lý vô trùng. Không nhiễm DNA, RNA, DNase, RNase</p> <p>Đề trong hộp có giá đỡ</p> <p>Chiều dài của đầu côn: &gt; 7,2 cm</p> <p>Dung dịch khi bơm hút không dính lại trên đầu côn</p> <p>Phù hợp với nhiều loại micropipet với thể tích tương ứng</p> | 96 cái/hộp               | Hộp         | 383      |
| 36 | Đầu côn có lọc 20 $\mu$ l - filter tip | <p>Đầu côn có lọc 20 <math>\mu</math>l</p> <p>Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng</p> <p>Dung tích hút: 1-20 <math>\mu</math>l</p> <p>Vật liệu: Polypropylene, không nhiễm Dnase và Rnase.</p>                                                                                                                                                                                                                                       | 96 cái/hộp               | Hộp         | 320      |

| TT | Nội dung cầu                             | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Quy cách đóng gói | Đơn vị tính | Số lượng |
|----|------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------|----------|
|    |                                          | Dùng tương ứng với hầu hết các loại Pipetman<br>Dùng cho PCR, tách chiết RNA, định type vi khuẩn<br>Lọc của đầu tip được bao bọc bằng sợi tơ không thấm nước tránh nhiễm trong thao tác hút. Tránh lây nhiễm chéo, ví dụ như khuếch đại DNA và đồng vị phóng xạ.                                                                                                                                                                                                                                       |                   |             |          |
| 37 | Đầu côn có lọc 200 ul                    | Biên độ thể tích: 1-200 $\mu$ L<br>Có các vạch chia 10, 50, 100<br>Có đầu lọc<br>Chỉ sử dụng 1 lần<br>Màu sắc: Trong suốt<br>Đã được xử lý vô trùng. Không nhiễm DNA, RNA, DNase, RNase<br>Đề trong hộp có giá đỡ<br>Dung dịch khi bơm hút không dính lại trên đầu côn<br>Chiều dài của đầu côn: > 5 cm<br>Phù hợp với nhiều loại micropipet với thể tích tương ứng                                                                                                                                    | 96 cái/hộp        | Hộp         | 372      |
| 38 | Đầu côn có lọc 30-50 $\mu$ l- filter tip | Tip lọc 30-50ul, đóng gói 96 tip/hộp, 10 hộp/thùng<br>• Lọc PE được phát triển đặc biệt để ứng dụng trong khi hút, ngăn chặn sol khí và tạp nhiễm xâm nhập vào pipette và do đó giảm nguy cơ nhiễm chéo.<br>• Tính thẩm thấu được kiểm soát bằng sự kết hợp chiều dài lọc và kích thước lỗ lọc.<br>• Không chứa phụ gia hóa học<br>Không bám dính hóa chất khi hút, đầu hút nhọn<br>• Thích hợp dùng trong PCR và nghiên cứu vi sinh<br>• Không chứa DNase, Rnase, DNA người pyrogen & chất ức chế PCR | 96 cái/hộp        | Hộp         | 40       |
| 39 | Đầu côn trắng 200 $\mu$ l không lọc      | Đầu tip trắng 200ul, không lọc<br>- Không chứa DNAase, RNAase, DNA người, Pyrogene, chất ức chế PCR, nội độc tố và độc tố tế bào.<br>- Không chứa kim loại nặng.<br>- Thích ứng với nhiều loại pipette.                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 1000 tip/gói      | Gói         | 12       |

| TT | Nội dung cầu                              | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Quy cách đóng gói | Đơn vị tính | Số lượng |
|----|-------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------|----------|
|    |                                           | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trên các tip có những vạch chia độ.</li> <li>- Độ lưu giữ thấp giúp thu hồi tối đa mẫu.</li> <li>- Tương thích với nhiều loại micropipet hiện có trên thị trường.</li> <li>- Đạt chứng nhận ISO13485, ISO 17025, ISO 9001; CE</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                   |             |          |
| 40 | Đầu côn vàng 10-200 µL, không lọc có khóa | <p>Đầu tip vàng 200ul không lọc được sản xuất từ polypropylene tinh khiết với chứng nhận FDA Hoa Kỳ;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không chứa DNAase, RNAase, DNA người, Pyrogene, chất ức chế PCR, nội độc tố và độc tố tế bào.</li> <li>- Không chứa kim loại nặng.</li> <li>- Thích ứng với nhiều loại pipette.</li> <li>- Trên các tip có những vạch chia độ.</li> <li>- Độ lưu giữ thấp giúp thu hồi tối đa mẫu</li> </ul> <p>Tương thích với nhiều loại micropipet hiện có trên thị trường.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đóng gói: 1000 tip/gói</li> <li>- Đạt chứng nhận ISO13485, ISO 17025, ISO 9001; CE</li> </ul>   | 1000<br>cái/gói   | Cái         | 27000    |
| 41 | Đầu côn xanh 1000 µl không lọc            | <p>Đầu côn xanh 1000ul không lọc được sản xuất từ polypropylene tinh khiết với chứng nhận FDA Hoa Kỳ;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không chứa DNAase, RNAase, DNA người, Pyrogene, chất ức chế PCR, nội độc tố và độc tố tế bào.</li> <li>- Không chứa kim loại nặng.</li> <li>- Thích ứng với nhiều loại pipette.</li> <li>- Trên các tip có những vạch chia độ.</li> <li>- Độ lưu giữ thấp giúp thu hồi tối đa mẫu.</li> </ul> <p>Tương thích với nhiều loại micropipet hiện có trên thị trường.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đóng gói: 1000 tip/gói</li> <li>- Đạt chứng nhận ISO13485, ISO 17025, ISO 9001; CE</li> </ul> | 1000<br>tip/gói   | Gói         | 27       |
| 42 | Đèn cồn                                   | Đèn cồn phòng thí nghiệm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Cái               | Cái         | 5        |
| 43 | Đĩa 96 giếng cho máy giải trình tự        | <p>Là dạng đĩa 96 giếng (không barcode)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tương thích với các hệ thống máy Fast realtime PCR, và hệ máy giải trình tự của</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Hộp (10 plate)    | Hộp         | 1        |

| TT | Nội dung cầu                                                                   | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Quy cách đóng gói          | Đơn vị tính | Số lượng |
|----|--------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-------------|----------|
|    | ABI (MicroAmp Optical 96 well                                                  | ABI.<br>- Bảo quản: nhiệt độ phòng.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                            |             |          |
| 44 | Đĩa 96-giếng Fast có thể dùng được cho Real-time PCR có barcode 0.1 ml         | - Là dạng đĩa 96 giếng (có barcode)<br>- Tương thích với các hệ thống máy Fast realtime PCR, và hệ máy giải trình tự của ABI.<br>- Bảo quản: nhiệt độ phòng.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Hộp (20 plate)             | Hộp         | 5        |
| 45 | Đĩa nhựa 96 giếng ống 0.2ml dùng cho máy realtime PCR và máy giải trình tự gen | Đĩa PCR 96 giếng, half- skirt, màu trong<br>- Được sản xuất từ polypropylene tinh khiết<br>- Thiết kế thành mỏng cho phép truyền nhiệt hiệu quả<br>- Tương thích với các chu trình nhiệt 96 giếng tiêu chuẩn, cấu hình 8 X 12.<br>- Một góc được cắt đi để tạo điều kiện định hướng.<br>- Lưới chữ và số để nhận dạng tốt hơn.<br>- Mỗi giếng có thể tích tối đa 300ul.<br>- Chưa tiết trùng và có thể khử trùng.<br>- Không chứa DNase và RNase.<br>- Đạt chứng nhận ISO13485, ISO9001, CE | 10 đĩa/túi,<br>5 túi/thùng | Hộp         | 2        |
| 46 | Đĩa giấy ONPG                                                                  | • Đĩa giấy màu trắng tẩm với ortho-nitrophenyl-galactopyranoside (O.N.P.G.).<br>• Tiêu chuẩn chất lượng Châu Âu/G7; ISO, CE                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Hộp/5x50 đĩa               | Hộp         | 1        |
| 47 | Đĩa petri nhựa vô trùng 60 mm                                                  | Chất liệu: nhựa y tế Polystyrene<br>- Được tiệt trùng bằng tia gamma<br>- Nắp và thân đĩa phẳng<br>- Màu tự nhiên, trong suốt<br>- Kích thước: 60x15 mm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Thùng                      | Thùng       | 1        |
| 48 | Đĩa petri nhựa vô trùng 90 mm                                                  | Chất liệu: nhựa y tế Polystyrene<br>- Được tiệt trùng bằng tia gamma<br>- Nắp và thân đĩa phẳng<br>- Màu tự nhiên, trong suốt<br>- Kích thước: 90x15 mm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 500 cái/Thùng              | Thùng       | 6        |
| 49 | DMEM (Dulbecco's                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 10lit/ chai                | Chai        | 1        |

| TT | Nội dung cầu                                                             | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Quy cách đóng gói | Đơn vị tính | Số lượng |
|----|--------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------|----------|
|    | Modified Eagle's Medium)                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                   |             |          |
| 50 | dNTPs                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 200µl/ lọ         | Lọ          | 1        |
| 51 | Dung dịch bovine serum Albumin Fraction V-(7,5%)                         | Nồng độ: 7.5 g/100 ml.<br>Pha trong phosphate-buffered saline                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Chai/100 ml       | Chai        | 12       |
| 52 | Dung dịch đệm cho máy giải trình tự 10X                                  | Nồng độ: 10X<br>Hệ tương thích: Applied Biosystems® 310, 3100, 3100-Avant™, 3130, and 3130xl Genetic Analyzers                                                                                                                                                                                                                                                        | Lọ (25ml)         | Lọ          | 1        |
| 53 | Dung dịch đệm hòa mẫu Hi Di-Formamide                                    | Hệ tương thích: Applied Biosystems® 310, 3100, 3100-Avant™, 3130, and 3130xl Genetic Analyzers                                                                                                                                                                                                                                                                        | Lọ (25ml)         | Lọ          | 1        |
| 54 | Dung dịch DMSO                                                           | Tiêu chuẩn Hybri-Max™, sterile-filtered, BioReagent, suitable for hybridoma, ≥99.7%                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Chai/100 ml       | Chai        | 2        |
| 55 | Dung dịch Hepes (N-2-hydroxyethylpiperazine-N-2-ethane sulfonic acid) 1M | Bộ đệm hóa học hữu cơ Zwitterionic<br>Nồng độ: 1M<br>Màu sắc: Trong suốt<br>Thành phần: N-2-Hydroxyethylpiperazine-N-2-Ethane Sulfonic Acid<br>Sử dụng trong nuôi cấy tế bào động vật<br>Hình thức: dạng lỏng<br>Phạm vi pH: 7,2 đến 7,5<br>Đã lọc vô trùng<br>Lượng sử dụng khuyến cáo 10–25 mM<br>Sản xuất tại nhà máy đạt chứng chỉ cGMP đạt chuẩn ISO13485 và FDA | 100 mL/ Chai      | Chai        | 15       |
| 56 | Dung dịch huyết thanh bào thai bê không bất hoạt nhiệt                   | Chai để sử dụng trong tủ cấy, hạn chế tạp nhiễm<br>- Tệt trùng bằng lọc 0,1 µm<br>- Hàm lượng:<br>Endotoxin level: ≤ 5EU/ml<br>Hemoglobin level: ≤15 mg/dl<br>- Đạt chuẩn ISO 13485, được FDA công nhận                                                                                                                                                               | 500 mL/ Chai      | Chai        | 4        |
| 57 | Dung dịch kháng nấm Amphotericin B                                       | Thành phần Fungizone® Antimycotic: 250 µg amphotericin B và 205 µg sodium deoxycholate. Nồng độ khuyến                                                                                                                                                                                                                                                                | Chai/50 ml        | Chai        | 3        |

| TT | Nội dung cầu                      | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Quy cách đóng gói | Đơn vị tính | Số lượng |
|----|-----------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------|----------|
|    |                                   | khích khi sử dụng 0.25 to 2.50 µg/mL.<br>Sản xuất tại nhà máy đạt chứng chỉ cGMP đạt chuẩn ISO13485 và FDA                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                   |             |          |
| 58 | Dung dịch khử nhiễm DNA           | Khử nhiễm DNA bề mặt dụng cụ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Chai 250ml        | Chai        | 2        |
| 59 | Dung dịch Penicillin-Streptomycin | Thành phần: 10,000 units/mL penicillin nguồn gốc Penicillium và 10,000 µg/mL streptomycin nguồn gốc Streptomyces griseus<br>- Có phổ tác dụng đối với vi khuẩn gram âm và gram dương<br>- Nồng độ: 100X                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Chai/100 ml       | Chai        | 14       |
| 60 | Penicillin-Streptomycin           | Nồng độ: 100X<br>Loại sản phẩm: Kháng sinh<br>Vô trùng: Đã lọc vô trùng<br>Thành phần: Penicillin, Streptomycin<br>Ngăn ngừa nhiễm môi trường nuôi cấy tế bào<br>Hình thức: Chất lỏng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 100 mL/ Chai      | Chai        | 1        |
| 61 | Dung dịch pH chuẩn 10             | - Độ chính xác $\pm 0.01$ pH, 25°C - Bảng giá trị pH thực tế theo nhiệt độ được in trên thân chai - Hạn sử dụng dài lên đến 4 năm<br>- Cung cấp kèm Chứng Nhận Phân Tích (COA) và MSDS - Dung dịch không chứa bất kỳ màu nhuộm nào có thể làm ố vàng hoặc nhiễm màu mỗi nổi hoặc cell tham chiếu của điện cực.<br>- Độ tinh khiết, chất lượng cao dung dịch đệm chuẩn chất lượng cao được sản xuất theo tiêu chuẩn ISO3696/BS3978 sử dụng muối có độ tinh khiết cao, nước khử ion, cân bằng kiểm tra trọng lượng được chứng nhận và thủy tinh loại A trong môi trường được kiểm soát nhiệt độ được theo dõi bằng nhiệt kế được chứng nhận. Các giá trị được báo cáo là chính xác đến $\pm 0.01$ pH @25°C và có thể truy nguyên theo Tài liệu tham khảo tiêu chuẩn (SRM) của NIST.<br>- Dùng được cho tất cả các loại máy đo | Chai 1 lít        | Chai        | 2        |

| TT | Nội dung cầu         | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Quy cách đóng gói | Đơn vị tính | Số lượng |
|----|----------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------|----------|
|    |                      | pH trên thị trường<br>- Niêm phong kín                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                   |             |          |
| 62 | Dung dịch pH chuẩn 4 | <p>- Độ chính xác <math>\pm 0.01</math> pH , 25°C - Bảng giá trị pH thực tế theo nhiệt độ được in trên thân chai - Hạn sử dụng dài lên đến 4 năm</p> <p>- Cung cấp kèm Chứng Nhận Phân Tích (COA) và MSDS - Dung dịch không chứa bất kỳ màu nhuộm nào có thể làm ố vàng hoặc nhiễm màu mỗi nối hoặc cell tham chiếu của điện cực.</p> <p>- Độ tinh khiết, chất lượng cao dung dịch đệm chuẩn chất lượng cao được sản xuất theo tiêu chuẩn ISO3696/BS3978 sử dụng muối có độ tinh khiết cao, nước khử ion, cân bằng kiểm tra trọng lượng được chứng nhận và thủy tinh loại A trong môi trường được kiểm soát nhiệt độ được theo dõi bằng nhiệt kế được chứng nhận. Các giá trị được báo cáo là chính xác đến <math>\pm 0.01</math> pH @25°C và có thể truy nguyên theo Tài liệu tham khảo tiêu chuẩn (SRM) của NIST.</p> <p>- Dùng được cho tất cả các loại máy đo pH trên thị trường</p> <p>- Niêm phong kín</p> | Chai 1 lít        | Chai        | 2        |
| 63 | Dung dịch pH chuẩn 7 | <p>- Độ chính xác <math>\pm 0.01</math> pH , 25°C - Bảng giá trị pH thực tế theo nhiệt độ được in trên thân chai - Hạn sử dụng dài lên đến 4 năm</p> <p>- Cung cấp kèm Chứng Nhận Phân Tích (COA) và MSDS - Dung dịch không chứa bất kỳ màu nhuộm nào có thể làm ố vàng hoặc nhiễm màu mỗi nối hoặc cell tham chiếu của điện cực.</p> <p>- Độ tinh khiết, chất lượng cao dung dịch đệm chuẩn chất lượng cao được sản xuất theo tiêu chuẩn ISO3696/BS3978 sử dụng muối có độ tinh khiết cao, nước khử ion, cân bằng kiểm tra trọng lượng được chứng nhận và thủy tinh loại A trong môi trường</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Chai 1 lít        | Chai        | 2        |

| TT | Nội dung cầu                      | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Quy cách đóng gói | Đơn vị tính | Số lượng |
|----|-----------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------|----------|
|    |                                   | <p>được kiểm soát nhiệt độ được theo dõi bằng nhiệt kế được chứng nhận. Các giá trị được báo cáo là chính xác đến <math>\pm 0.01</math> pH @25°C và có thể truy nguyên theo Tài liệu tham khảo tiêu chuẩn (SRM) của NIST.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dùng được cho tất cả các loại máy đo pH trên thị trường</li> <li>- Niêm phong kín</li> </ul>                                                                  |                   |             |          |
| 64 | Dung dịch Sodium bicarbonate 7.5% | <p>Sử dụng pha môi trường nuôi cấy tế bào</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vô trùng</li> <li>- Nồng độ: 7.5% Sodium Bicarbonate</li> <li>- Sản xuất tại nhà máy đạt chứng chỉ cGMP đạt chuẩn ISO13485 và FDA</li> </ul>                                                                                                                                                                                                  | Chai/100 ml       | Chai        | 14       |
| 65 | Dung dịch TBE 10X                 | Tris-Borate-EDTA buffer 10X                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Chai 1 lít        | Chai        | 2        |
| 66 | Dung dịch TE                      | <p>Dung dịch TE (Tris-EDTA) pH7.4 <math>\pm</math> 0.2</p> <p>Nồng độ: 10X</p> <p>Trạng thái dạng lỏng, trong suốt</p> <p>Không chứa DNase, RNase, Protease</p>                                                                                                                                                                                                                                                                      | Chai 500 ml       | Chai        | 2        |
| 67 | Dung dịch Trypsin-EDTA 10X        | <p>Có nguồn gốc từ tuyến tụy của lợn, sử dụng trong nuôi cấy tế bào thường quy, phân tách tế bào, mô.</p> <p>Chelators: EDTA</p> <p>Phân loại: Nguồn gốc động vật</p> <p>Độ thẩm thấu: 300 - 345 mOsm/kg</p> <p>Phạm vi pH: 7.1 - 8.0</p> <p>Nồng độ: 10 X</p> <p>Thành phần: Sodium Chloride 8500mg/L, EDTA 4Na 2H<sub>2</sub>O 2000mg/L, Trypsin 5000mg/L</p> <p>Sản xuất tại nhà máy đạt chuẩn cGMP đạt chuẩn ISO13485 và FDA</p> | Chai/100 ml       | Chai        | 4        |
| 68 | Dung dịch Trypsin-TPCK 250 mg     | <p>Appearance (Color) White Appearance (Form) Powder units/mg protein &gt; 10000 _ One BAEE unit will produce a delta A253 of 0.001 per minute with BAEE as substrate at pH 7.6 at 25 deg C. Reaction volume = 3.2 ml (1 cm light path). BTEE units/mg protein &lt; 0.1 _ Chymotrypsin Impurity. % Protein</p>                                                                                                                       | Chai/250 MG       | Chai        | 1        |

| TT | Nội dung cầu                                 | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Quy cách đóng gói | Đơn vị tính | Số lượng |
|----|----------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------|----------|
|    |                                              | (UV) 90 - 100<br>11:54                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                   |             |          |
| 69 | DyeEX 2.0 Spin                               | Loại bỏ sạch chất nhuộm màu dư thừa sau phản ứng đánh dấu, dạng cột riêng lẻ từng mẫu                                                                                                                                                                                                                                                                 | 250 test/hộp      | Hộp         | 1        |
| 70 | Enzyme polymerase sử dụng trong phản ứng PCR | <ul style="list-style-type: none"> <li>Các đoạn khuếch đại lên tới 6 kb với DNA bộ gen và 20 kb với DNA virus</li> <li>Kết hợp với các modified nucleotides</li> <li>Tạo các sản phẩm 3'-A</li> <li>Nồng độ: 5 U/<math>\mu</math>L</li> </ul>                                                                                                         | Lọ                | Lọ          | 1        |
| 71 | Eppendorf 2ml                                | Ống ly tâm 2ml, trong suốt<br>- Không chứa DNase / RNase.<br>- Có thể khử trùng<br>- Đạt chứng nhận ISO13485, ISO9001, CE                                                                                                                                                                                                                             | 500 cái / gói     | Gói         | 10       |
| 72 | Ethanol                                      | - Nồng độ tuyệt đối >99.9%<br>Đạt độ tinh sạch dùng trong sinh học phân tử<br>Không chứa DNA, RNA, DNase, Rnase                                                                                                                                                                                                                                       | Chai 1 lít        | Chai        | 4        |
| 73 | Găng tay không bột size L                    | Nguyên liệu: Mủ kem (latex) ly tâm tự nhiên.<br>- Hàm lượng độ bột: $\leq 2\text{mg}$ / găng tay<br>- Nồng độ Protein: Protein tách chiết trong nước: 50ug/dm <sup>2</sup> or hoặc thấp hơn lượng công bố này<br>- Màu sắc: Màu cao su tự nhiên<br>- Đặc tính: Dùng được cả hai tay, cổ tay được se viền, bề mặt găng tay trơn hoặc vùng bàn tay nhám | 50 đôi/ Hộp       | Hộp         | 5        |
| 74 | Găng tay không bột size M                    | Nguyên liệu: Mủ kem (latex) ly tâm tự nhiên.<br>- Hàm lượng độ bột: $\leq 2\text{mg}$ / găng tay<br>- Nồng độ Protein: Protein tách chiết trong nước: 50ug/dm <sup>2</sup> or hoặc thấp hơn lượng công bố này<br>- Màu sắc: Màu cao su tự nhiên<br>- Đặc tính: Dùng được cả hai tay, cổ tay được se viền, bề mặt găng tay trơn hoặc vùng bàn tay nhám | 50 đôi/ Hộp       | Hộp         | 165      |
| 75 | Găng tay không bột size S                    | Nguyên liệu: Mủ kem (latex) ly tâm tự nhiên.                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 50 đôi/ Hộp       | Hộp         | 105      |

| TT | Nội dung cầu                                      | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Quy cách đóng gói | Đơn vị tính | Số lượng |
|----|---------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------|----------|
|    |                                                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hàm lượng độ bột: <math>\leq 2\text{mg}</math> / găng tay</li> <li>- Nồng độ Protein: Protein tách chiết trong nước: <math>50\mu\text{g}/\text{dm}^2</math> or hoặc thấp hơn lượng công bố này</li> <li>- Màu sắc: Màu cao su tự nhiên</li> <li>- Đặc tính: Dùng được cả hai tay, cổ tay được se viền, bề mặt găng tay trơn hoặc vùng bàn tay nhám</li> </ul> |                   |             |          |
| 76 | Găng tay Nitrile size M                           | Size M, Cao su Nitrile nhân tạo, 100% nitrile, không bột, Bảo vệ khỏi các chất không mong muốn hay nguy hiểm<br>Độ dày ngón tay: tối thiểu 0,05 mm<br>Độ dày lòng bàn tay: tối thiểu 0,05 mm                                                                                                                                                                                                           | 50 đôi/<br>Hộp    | Hộp         | 20       |
| 77 | Găng tay Nitrile size S                           | Size S, Cao su Nitrile nhân tạo, 100% nitrile, không bột, Bảo vệ khỏi các chất không mong muốn hay nguy hiểm<br>Độ dày ngón tay: tối thiểu 0,05 mm<br>Độ dày lòng bàn tay: tối thiểu 0,05 mm                                                                                                                                                                                                           | 50 đôi/<br>Hộp    | Hộp         | 31       |
| 78 | Găng tay phẫu thuật vô trùng                      | không bột size M                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Hộp               | Hộp         | 2        |
| 79 | Gel bôi trơn                                      | Gel bôi trơn hậu môn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | tube              | tube        | 5        |
| 80 | Gel điện di Agarose 100 gram                      | <ul style="list-style-type: none"> <li>* Nuclease free, dùng cho sinh học phân tử</li> <li>* Melting Point <math>87-89^\circ\text{C}</math></li> <li>* Sử dụng cho đổ gel điện di mẫu</li> <li>* Dạng bột</li> <li>* Bảo quản: <math>+15^\circ\text{C}</math> to <math>+30^\circ\text{C}</math></li> </ul>                                                                                             | Lọ/100 gram       | Lọ          | 2        |
| 81 | Gel Polymer Pop 7                                 | Gel Pop7 phù hợp cho thiết bị chạy trình tự ABI                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Hộp               | Hộp         | 2        |
| 82 | Genetic Analyzer Capillary Array, 80 cm, 16 kênh, |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Bộ                | Bộ          | 1        |
| 83 | Geneticin                                         | Agent: Geneticin® (G-418)<br>Định dạng hóa chất: Kháng sinh; nồng độ: $50\text{ mg/mL}$ ; đã được tiệt trùng                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Chai (100ml)      | Chai        | 2        |
| 84 | Giá để tube 1.5/15/50 ml                          | 4 way tube rack, sử dụng được đồng thời cho các loại tube 1.5/15/50 ml                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Cái               | Cái         | 10       |
| 85 | Giá giữ lạnh cho tube 1.5 ml                      | Khay giữ lạnh 81 lỗ, cho tube eppendorf 1.5 ml                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Cái               | Cái         | 2        |

| TT | Nội dung cầu                                                    | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Quy cách đóng gói | Đơn vị tính | Số lượng |
|----|-----------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------|----------|
| 86 | Giấy lau không bụi<br>(Giấy lau kính hiển vi)                   | Giấy có độ dai, mềm, có khả năng chống tĩnh điện, có tính trơ với nhiều loại hóa chất, không sinh bụi.<br>Giấy lau chuyên biệt cho lau thấm vệ sinh gương kính<br>Mềm mại và nhẹ nhàng, thấm hút cực tốt/Giấy có độ dai bề ngang, giúp rắn chắc khi lau chi tiết. Không để lại bụi.<br>Rất sạch sẽ và không gây ô nhiễm. Khăn lau một lớp thấm hút dễ dàng làm sạch chất lỏng và bụi.<br>Thiết kế dạng POP-UP<br>*Box sử dụng một lần. Giúp giảm xơ và chống tĩnh điện. Lý tưởng trong phòng sạch hoặc các phòng thí nghiệm | 250 tờ/hộp        | Hộp         | 2        |
| 87 | Giấy thử PH                                                     | Giấy thử PH                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Cuộn              | Cuộn        | 2        |
| 88 | Gòn Y tế                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 1kg/cuộn          | Cuộn        | 4        |
| 89 | Kit Gotaq Green Master Mix hoặc tương đương                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 1000U/hộp         | Hộp         | 1        |
| 90 | Hộp đựng rác sắc nhọn 1.5 L                                     | Hộp nhựa dùng đựng rác sắc nhọn, 1.5 L                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Cái               | Cái         | 10       |
| 91 | Hộp lưu mẫu                                                     | Có 81 vị trí lưu giữ trong hộp sắp xếp theo 9x9<br>Chất liệu Polypropylene (PP)<br>Có khả năng chịu nhiệt độ đến -196°C, chống va đập<br>Có thể đông lạnh và rã đông nhiều lần<br>Trên hộp có đánh dấu ký hiệu trên các vị trí lưu trữ<br>Kích thước hộp Tương thích với các microtube 0.5ml, 1.5ml hoặc 2.0ml và các ống lưu mẫu;                                                                                                                                                                                          | Cái               | Cái         | 170      |
| 92 | Hộp nhuộm lam                                                   | Dụng cụ dùng cho nhuộm Gram vi khuẩn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Hộp               | Hộp         | 1        |
| 93 | Hộp trữ tube lạnh (Freeze Preservation Unit Freezing Container) | Hộp chứa tube trữ lạnh 1 to 5 ml. Tốc độ làm lạnh rất gần -1 °C / phút, tốc độ tối ưu để bảo quản tế bào, từ 12 đến 18 ống và nắp trên cùng có vít giữ chặt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Hộp               | Hộp         | 3        |

| TT  | Nội dung cầu                    | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Quy cách đóng gói | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|---------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------|----------|
| 94  | Javel                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Lít               | Lít         | 80       |
| 95  | Kháng huyết thanh Salmonella H  | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Kháng huyết thanh Salmonella dạng lỏng, có chứa ngưng kết đặc hiệu cho từng kháng nguyên nhóm H được sử dụng để định danh huyết học của các serotype Salmonella khác nhau căn cứ theo phân loại của Kauffman-White.</li> <li>• Tiêu chuẩn chất lượng: ISO</li> </ul> | Lọ/5mL            | Lọ          | 10       |
| 96  | Kháng huyết thanh Salmonella Vi | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Kháng huyết thanh Salmonella dạng lỏng, xác định kháng nguyên Vi theo phân loại của Kauffman-White.</li> <li>• Tiêu chuẩn chất lượng: ISO</li> </ul>                                                                                                                 | Lọ/2mL            | Lọ          | 1        |
| 97  | Kháng huyết thanh Shigella bộ   | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Bộ kháng huyết thanh định danh Shigella (Bao gồm các nhóm A, A1, B, C, C1, C2, C3, D)</li> <li>• Tiêu chuẩn chất lượng: ISO</li> </ul>                                                                                                                               | Bộ 8 Lọ           | Bộ          | 1        |
| 98  | Kháng huyết thanh Tả Inaba      | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Kháng huyết thanh dùng để định danh Vibrio cholerae O1 Antiserum (Serovar Inaba).</li> <li>• Tiêu chuẩn chất lượng: ISO</li> </ul>                                                                                                                                   | Lọ/2mL            | Lọ          | 1        |
| 99  | Kháng huyết thanh Tả O139       | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Kháng huyết thanh dùng để định danh Vibrio cholerae O1 Antiserum (Serovar Inaba).</li> <li>• Tiêu chuẩn chất lượng: ISO</li> </ul>                                                                                                                                   | Lọ/2mL            | Lọ          | 1        |
| 100 | Kháng huyết thanh Tả Ogawa      | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Kháng huyết thanh dùng để định danh Vibrio cholerae O1 Antiserum (Serovar Ogawa).</li> <li>• Tiêu chuẩn chất lượng: ISO</li> </ul>                                                                                                                                   | Lọ/2mL            | Lọ          | 1        |
| 101 | Kháng sinh đĩa                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Đĩa giấy tẩm thuốc kháng sinh và sử dụng cho các thử nghiệm độ mẫn cảm theo các thử nghiệm kháng sinh Kirby-Bauer</li> <li>• Tiêu chuẩn chất lượng Châu Âu/G7: DIN ISO, CE</li> </ul>                                                                                | Hộp/5x50 đĩa      | Hộp         | 30       |
| 102 | Kháng sinh MIC trip             | MIC Strip là dải giấy được ngâm tẩm với một gradient nồng độ xác định trước của kháng sinh, gồm có 15 nồng độ pha loãng và đánh dấu ở cả hai bên của MIC Strip. Thử nghiệm MIC được dùng để xác định nồng độ ức chế tối thiểu (MIC)                                                                           | Hộp/30 test       | Hộp         | 15       |

| TT  | Nội dung cầu                                            | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                               | Quy cách đóng gói | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|---------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------|----------|
|     |                                                         | của các tác nhân kháng khuẩn chống lại vi sinh vật, phát hiện các cơ chế đề kháng<br>- Đạt chuẩn CLSI/EUCAST<br>- Đóng gói: Hộp/30 test<br>- Bảo quản ở -20 -8°C<br>- Tiêu chuẩn chất lượng Châu Âu/G7: DIN ISO, CE                                                                             |                   |             |          |
| 103 | Kháng sinh MIC trip                                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Gradient nồng độ gồm có 15 nồng độ pha loãng.</li> <li>• Tiêu chuẩn chất lượng Châu Âu/G7: DIN ISO, CE</li> </ul>                                                                                                                                      | Hộp/30 test       | Hộp         | 5        |
| 104 | Khẩu trang y tế                                         | Đạt tiêu chuẩn TCVN<br>Cấu tạo: gồm 4 lớp vải lọc không dệt và 1 lớp giấy lọc y tế kháng khuẩn chất lượng cao.<br>- Tính năng bảo vệ vượt trội<br>- Thun dẻo co giãn phù hợp<br>- Gọng kẹp mũi bằng nhựa giúp chiếc khẩu trang ôm sát phần sống mũi hơn                                         | Hộp 50 cái        | Hộp         | 220      |
| 105 | Kit chạy định lượng one-step RT-PCR thể hệ 3 (100 test) | Phát hiện chính xác một lượng từ 10 bản sao RNA cho tới 1µg RNA total.<br>Lượng 50µl mỗi phản ứng đủ cho 100-500 chu kì khuếch đại PCR<br>Thành phần:<br><ul style="list-style-type: none"> <li>• Platinum Taq Mix</li> <li>• Magnesium Sulfate</li> <li>• ROX Reference Dye (25 µM)</li> </ul> | Hộp/100 test      | Hộp         | 1        |
| 106 | Kit chạy định lượng one-step RT-PCR thể hệ 3 (500 test) | Phát hiện chính xác một lượng từ 10 bản sao RNA cho tới 1µg RNA total.<br>Lượng 50µl mỗi phản ứng đủ cho 100-500 chu kì khuếch đại PCR<br>Thành phần:<br><ul style="list-style-type: none"> <li>• Platinum Taq Mix</li> <li>• Magnesium Sulfate</li> <li>• ROX Reference Dye (25 µM)</li> </ul> | Hộp/500 test      | Hộp         | 4        |
| 107 | Kit chạy Multiplex PCR                                  | Sử dụng trong Multiplex PCR có độ nhạy và đặc hiệu cao mà không có yêu cầu tối ưu hóa<br>- Cho phép thực hiện với các template khó và giàu GC<br>- Sử dụng enzyme hotstart DNA                                                                                                                  | Bộ                | Bộ          | 2        |

| TT  | Nội dung cầu                                                              | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Quy cách đóng gói | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|---------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------|----------|
|     |                                                                           | polymerase, tốc độ tổng hợp 2–4 kb/min ở 72°C; Nồng độ: 5 units/μl; Half life: tối thiểu 10 phút ở 97°C ; 60 min ở 94°C; Hiệu quả khuếch đại $\geq 10^5$ lần;<br>- Có hoạt tính 5' → 3' exonuclease                                                                                                                                                                     |                   |             |          |
| 108 | Kit chuẩn bị thư viện DNA                                                 | Bộ kit chuẩn bị mẫu để giải trình tự các bộ gen nhỏ, PCR amplicon, plasmid hoặc cDNA<br>- Công nghệ Nextera đồng thời phân mảnh và gắn trình tự adapter chỉ bằng 1 phản ứng với enzyme<br>- Tương thích với cả các thư viện > 300 bp<br>- Thời gian chuẩn bị thư viện trong khoảng 90 phút, trong đó mất khoảng 15 phút thao tác bằng tay.<br>- Lượng ADN đầu vào: 1 ng | Bộ                | Bộ          | 1        |
| 109 | Kit định danh các loài vi khuẩn thuộc giống Staphylococcus                | Sử dụng thử nghiệm định danh xác định vi khuẩn xác định Staphylococcus, Micrococcus và Kocuria<br>- Sử dụng phần mềm để đọc kết quả<br>- Có thể sử dụng để là sinh phẩm chuẩn đối chứng để thẩm định quy trình định danh (tương tự API)                                                                                                                                 | Bộ 25 test        | Bộ          | 1        |
| 110 | Kit định danh định danh xác định vi khuẩn xác định Non-Enterobacteriaceae | • Sử dụng thử nghiệm định danh xác định vi khuẩn xác định không thuộc nhóm đường ruột ( ví dụ pseudomonas, Acinetobacter...)<br>• Sử dụng phần mềm để đọc kết quả<br>• Có thể sử dụng để là sinh phẩm chuẩn đối chứng để thẩm định quy trình định danh (tương tự API)                                                                                                   | Bộ 25 test        | Bộ          | 1        |
| 111 | Kit định danh xác định vi khuẩn kỵ khí Coryne                             | API Coryne là một hệ thống chuẩn để định danh những vi khuẩn họ Coryne, sử dụng thanh bao gồm 20 test sinh hóa và một cơ sở dữ liệu. Danh sách hoàn chỉnh của những tổ chức vi khuẩn trên có thể xác định bằng hệ thống này được đưa ra trong Bảng định danh ở cuối của bản hướng dẫn sử dụng                                                                           | Bộ                | Bộ          | 1        |
| 112 | Kit định danh xác định vi khuẩn                                           | Dải API® NH bao gồm 10 vi ống chứa chất nền khử nước cho phép thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Bộ                | Bộ          | 1        |

| TT  | Nội dung cầu                                                | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Quy cách đóng gói | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|-------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------|----------|
|     | Neisseria, Haemophilus                                      | 12 xét nghiệm định danh Haemophilus influenzae, Haemophilus parainfluenzae, Moraxella catarrhalis (Branhamella catarrhalis ) và Neisseria                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                   |             |          |
| 113 | Kit định danh xác định vi khuẩn xác định Enterobacteriaceae | <ul style="list-style-type: none"> <li>Sử dụng thử nghiệm định danh xác định vi khuẩn xác định Enterobacteriaceae, trực khuẩn gram âm khác</li> <li>Sử dụng phần mềm để đọc kết quả</li> <li>Có thể sử dụng để là sinh phẩm chuẩn đối chứng để thẩm định quy trình định danh (tương tự API)</li> </ul>                                                                                                                         | Bộ 25 test        | Bộ          | 4        |
| 114 | Kit định nhanh xác định NHANH vi khuẩn Enterobacteriaceae   | <ul style="list-style-type: none"> <li>Sử dụng thử nghiệm định danh nhanh xác định vi khuẩn xác định Enterobacteriaceae, trực khuẩn gram âm khác</li> <li>Định danh trong vòng 4h</li> <li>Sử dụng phần mềm để đọc kết quả</li> <li>Có thể sử dụng để là sinh phẩm chuẩn đối chứng để thẩm định quy trình định danh (tương tự API)</li> </ul>                                                                                  | Bộ 25 test        | Bộ          | 1        |
| 115 | Kit giải trình tự DNA dùng cho máy ABI 3130XL               | Thành phần: <ul style="list-style-type: none"> <li>1 × 800µl tube of BigDye® Terminator v3.1 Ready Reaction Mix</li> <li>1 tube M13 (-21) Primer</li> <li>1 tube pGEM Control DNA</li> <li>2 × 1 ml tubes of 5X Sequencing Buffer</li> </ul>                                                                                                                                                                                   | Hộp/100 test      | Hộp         | 2        |
| 116 | Kit One Step RT-PCR ,100 test                               | Điều kiện bảo quản: -20oC<br>Kit chạy RT-PCR 1 bước, sử dụng nhanh và dễ dàng, độ nhạy cao.<br>Sử dụng với bất kì mẫu ARN nào mà không cần quá trình tối ưu hóa phản ứng.<br>Thiết kế phản ứng dễ và thao tác nhanh trong 1 tube<br>Có thể hoạt động với nồng độ RNA từ 1pg-2ug<br>Sử dụng hỗn hợp enzyme Omniscript Reverse Transcriptase, Sensiscrip Rereverse Transcriptase và HotStar Tag DNA Polymerase cho giai đoạn PCR | Hộp (100 test)    | Hộp         | 11       |

| TT  | Nội dung cầu                                      | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Quy cách đóng gói | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|---------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------|----------|
| 117 | Kit PCR Master Mix                                | Master Mix chạy PCR                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | hộp 1000 phản ứng | Hộp         | 1        |
| 118 | Kit realtime RT – PCR phát hiện bộ gene virus đại | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh phẩm chẩn đoán IVD</li> <li>- Kit realtime phát hiện bộ gene virus đại từ RNA.</li> <li>- Độ nhạy, độ chính xác và độ đặc hiệu &gt;97%.</li> <li>- Có bao gồm chứng nội (IC)</li> <li>- Tương thích với dòng máy realtime QuantStudio™ 5 Real-Time PCR System</li> </ul>                                                                                                                                                   | Hộp 50 test       | Hộp         | 1        |
| 119 | Kit RTPCR có ROX                                  | Kit chạy RT-PCR: Platinum qPCR superMix-UDG có ROX                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Hộp 100 test      | Hộp         | 1        |
| 120 | Kit tách chiết DNA từ mẫu phân                    | <p>Bộ kit tinh sạch DNA người hoặc vi sinh chất lượng cao từ mẫu phân bằng công nghệ màng silica gel.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có thành phần Buffer giúp loại bỏ các chất ức chế PCR thường tồn tại trong mẫu phân</li> <li>- Thao tác thực hiện ít, có thể tách chiết bằng tay hoặc trên máy</li> <li>- Hiệu suất tách chiết lên đến 5–50 µg</li> </ul>                                                                                             | Bộ 50 test        | Bộ          | 1        |
| 121 | Kit tách chiết DNA từ mô                          | <p>Tách chiết DNA tổng số hệ gen, ty thể, virus...</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mẫu đầu vào: mô, tằm bông, máu toàn phần, huyết tương, huyết thanh, dịch cơ thể, tế bào nuôi cấy, mẫu máu khô</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                 | Bộ 50 test        | Bộ          | 1        |
| 122 | Kit tách chiết DNA từ mô                          | Tách chiết DNA tổng từ mô động vật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Hộp 250 test      | Hộp         | 1        |
| 123 | Kit tách chiết RNA virus (250 phản ứng)           | <p>Tách chiết RNA virus từ huyết thanh và huyết tương</p> <p>Quá trình tách chiết nhanh, hiệu suất cao, RNA tách chiết được có chất lượng cao, loại bỏ hoàn toàn các tạp chất tạp nhiễm và chất ức chế.</p> <p>Dung tích mẫu (Sample volumes) có thể dùng tới 280ul.</p> <p>Cột column có thể gắn với RNA có chiều dài hơn 200 nucleotides.</p> <p>Cột column màu trắng, trong, chịu được tốc độ ly tâm lớn, dễ mở nắp. Lượng ống góp vừa đủ để loại bỏ sau mỗi bước</p> | Bộ 250 test       | Bộ          | 8        |

| TT  | Nội dung cầu                                                        | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Quy cách đóng gói | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|---------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------|----------|
|     |                                                                     | sử dụng mà không cần tái sử dụng. Quá trình thực hiện thao tác ở nhiệt độ phòng không cần gia nhiệt (65oC, 80oC).<br>Điều kiện bảo quản: 15-25oC                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                   |             |          |
| 124 | Kit tách chiết RNA virus (50 phản ứng)                              | Tách chiết RNA virus từ huyết thanh và huyết tương<br>Quá trình tách chiết nhanh, hiệu suất cao, RNA tách chiết được có chất lượng cao, loại bỏ hoàn toàn các tạp chất tạp nhiễm và chất ức chế.<br>Dung tích mẫu (Sample volumes) có thể dùng tới 280ul.<br>Cột column có thể gắn với RNA có chiều dài hơn 200 nucleotides.<br>Cột column màu trắng, trong, chịu được tốc độ ly tâm lớn, dễ mở nắp. Lượng ống góp vừa đủ để loại bỏ sau mỗi bước sử dụng mà không cần tái sử dụng. Quá trình thực hiện thao tác ở nhiệt độ phòng không cần gia nhiệt (65oC, 80oC).<br>Điều kiện bảo quản: 15-25oC | Bộ 50 test        | Bộ          | 1        |
| 125 | Kit Thử nghiệm định danh xác định vi khuẩn Campylobacter            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Bộ 25 test        | Bộ          | 1        |
| 126 | Kit Thử nghiệm định danh xác định vi khuẩn kỵ khí,                  | Sử dụng thử nghiệm định danh xác định vi khuẩn xác định các vi khuẩn yếm khí<br>- Sử dụng phần mềm để đọc kết quả<br>- Có thể sử dụng để là sinh phẩm chuẩn đối chứng để thẩm định quy trình định danh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Bộ 25 test        | Bộ          | 1        |
| 127 | Kit thử nghiệm Influenza Neuraminidase bằng phương pháp huỳnh quang | Dạng đông khô<br>Thành phần: NA-Fluor™ MUNANA Substrate (4-(methyumbelliferyl)-N-acetylneuraminic acid), NA-Fluor™ 2X Assay Buffer, và NA-Fluor™ Stop Solution<br>Bước sóng: excitation 350-365, emission 440-460                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Kit/960 assay     | Kit         | 1        |

| TT  | Nội dung cầu                                                | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Quy cách đóng gói | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|-------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------|----------|
| 128 | Kit thử nghiệm Latex Staphylococcus aureus                  | Thử nghiệm ngưng kết nhanh để xác định trực tiếp Staphylococcus aureus.<br>- Thành phần: công nghệ latex các định protein A<br>- Tiêu chuẩn chất lượng Châu Âu/G7: DIN ISO, CE                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Bộ 50 test        | Bộ          | 1        |
| 129 | Kit tinh sạch sản phẩm PCR                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 250 test/kit      | Kit         | 1        |
| 130 | Kit tinh sạch sản phẩm PCR (50)                             | Tinh sạch: tối đa 10 µg sản phẩm PCR, kích thước từ 100 bp đến 10 kb<br>* Nồng độ sau tinh sạch: 95% DNA sẵn sàng sử dụng<br>* Làm sạch DNA lên đến 10 kb trong ba bước dễ dàng<br>* Thuốc nhuộm tải gel để phân tích mẫu thuận tiện<br>* Cung cấp các cột quay, dung dịch đệm và các ống thu mẫu có màng silica cho các sản phẩm PCR > 100 bp. DNA lên tới 10 kb được tinh chế bằng cách sử dụng quy trình rửa tay liên kết đơn giản và nhanh chóng và thể tích rửa giải 30-50 µl.<br>* Một chỉ số pH tùy chọn cho phép dễ dàng xác định độ pH tối ưu cho DNA liên kết với cột quay | Bộ 50 test        | Bộ          | 2        |
| 131 | Kit tinh sạch sản phẩm sau khi giải trình tự (250 phản ứng) | Dùng tinh sạch sản phẩm sau khi giải trình tự.<br>- Quy trình nhanh với hai bước ly tâm ngắn<br>- Vật liệu lọc gel khử nước sẵn sàng sử dụng<br>- Loại bỏ hiệu quả các chất nhuộm sau phản ứng giải trình tự.<br>- Dạng cột quay và sử dụng công nghệ lọc gel.<br>- Dung tích mẫu 10-20 µL.<br>- Dùng tinh sạch sản phẩm sau khi giải trình tự, loại bỏ được các chất nhuộm như Big Dye, dRhodamine, Rhodamine, DYEnamic ET, well RED                                                                                                                                                | Bộ 250 test       | Bộ          | 1        |

| TT  | Nội dung cầu                                               | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Quy cách đóng gói | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------|----------|
| 132 | Kit tinh sạch sản phẩm sau khi giải trình tự (50 phản ứng) | Dùng tinh sạch sản phẩm sau khi giải trình tự.<br>Quy trình nhanh chóng chỉ với hai bước ly tâm ngắn<br>Vật liệu lọc gel khử nước sẵn sàng sử dụng<br>Loại bỏ hiệu quả các chất nhuộm sau phản ứng giải trình tự.<br>Dạng cột quay và sử dụng công nghệ lọc gel. Phản ứng giải trình tự được nạp vào vật liệu lọc gel được hydrat hóa trước. Sau một bước ly tâm ngắn, các phản ứng đã sẵn sàng để được nạp vào thiết bị mao quản của máy giải trình tự. Các chất nhuộm còn lại sẽ ược giữ lại trong gel matrix.<br>Dung tích mẫu 10-20uL.<br>Dùng tinh sạch sản phẩm sau khi giải trình tự, loại bỏ được các chất nhuộm như Big Dye, dRhodamine, Rhodamine, DYEnamic ET, well RED | Bộ 50 test        | Bộ          | 1        |
| 133 | Lam kính dùng cho kính hiển vi                             | 6x26mm (50miếng/hộp)<br>Thủy tinh trong                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Hộp               | Hộp         | 50       |
| 134 | Lamen dùng cho kính hiển vi                                | Dùng cho đặt lame trong đọc kính hiển vi<br>Kích thước: 24 x 60 mm)<br>Chất liệu: Thủy tinh trong suốt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 100 miếng/hộp     | Hộp         | 37       |
| 135 | Đĩa 96 giếng chạy PCR                                      | Màu trắng đục, polypropylene, 96 giếng, sử dụng tương thích với hệ thống LightCycler 480 hoặc tương đương để chứa phản ứng PCR, khuếch đại và phát hiện tác nhân nhiễm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Thùng (50 plate)  | Thùng       | 5        |
| 136 | Lọ đựng mẫu bệnh phẩm                                      | Lọ nhựa đựng mẫu vô trùng, 50 ml                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Lọ                | Lọ          | 100      |
| 137 | Lọ đựng phân có muống                                      | Lọ nhựa đựng mẫu phân, 50 ml                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Lọ                | Lọ          | 50       |
| 138 | Dung dịch nạp mẫu                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 1ml x 3 tube/ bộ  | Bộ          | 1        |
| 139 | Màng lọc 0,22µm, phi 47mm                                  | Màng lọc 0,22µm, phi 47mm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Hộp               | Hộp         | 1        |

| TT  | Nội dung cầu                                  | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Quy cách đóng gói | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|-----------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------|----------|
| 140 | màng lọc 0.22um ,<br>đường kính 90mm          | Màng lọc cellulose, đường kính màng<br>lọc 90 mm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Hộp 100<br>cái    | Hộp         | 4        |
| 141 | màng lọc 0.45um<br>đường kính 90mm            | Màng lọc cellulose, đường kính màng<br>lọc 90 mm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Hộp 100<br>cái    | Hộp         | 4        |
| 142 | Máu cừu                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Lít               | Lít         | 2.4      |
| 143 | Máu cừu                                       | Máu cừu vô trùng loại sợi huyết. Không<br>sử dụng chất chống đông. Hồng cầu<br>màu đỏ tươi. Hạn sử dụng tối thiểu 3<br>tháng. Tỷ lệ hồng cầu >50%.<br>- Bảo quản: 2-8oC<br>- Tiêu chuẩn: ISO 13485:2016                                                                                                                                                                                                                                                | Lọ/10ml           | Lọ          | 10       |
| 144 | Micropipette 1<br>kênh thể tích 0,5-<br>10 µL | Lớp vỏ cách nhiệt giúp bảo vệ các bộ<br>phận bên trong, tăng cường độ chính<br>xác<br>Làm từ chất liệu có tính chịu được hóa<br>chất và UV cao<br>Dễ dàng hiệu chỉnh cho các loại chất<br>lỏng khác nhau<br>Đơn giản hóa việc làm sạch và bảo trì<br>chỉ với 3 bộ phận cần tháo rời mà không<br>cần dụng cụ hỗ trợ mở<br>Có thể hấp khử trùng toàn bộ pipette<br>(121°C, 20 phút, 1 atm) mà không cần<br>tháo rời                                      | Cái               | Cái         | 4        |
| 145 | Micropipette 1<br>kênh thể tích 1000<br>µL    | Micropipet 1 kênh 200-1000ul<br>- Đầu tip làm bằng PVDF có độ bền cao<br>chống lại sự ăn mòn hóa học và vật lí<br>- Cơ chế khoá ngăn sự thay đổi ngẫu<br>nhiên.<br>- Có thể hấp tiệt trùng nguyên cây<br>- Piston 2 bước cho phép kỹ thuật<br>Reverse.<br>- Màn hình hiển thị 4 chữ số lớn<br>- Cơ chế niêm phong PTFE đặc biệt<br>trong vòng O-ring.<br>- Tương thích với nhiều loại đầu tip<br>- Đạt chứng nhận ISO13485, ISO<br>17025; ISO 9001; CE | Cái               | Cái         | 1        |
| 146 | Micropipette 1<br>kênh thể tích 20-<br>200 µL | Micropipet 1 kênh 20-200ul<br>- Đầu tip làm bằng PVDF có độ bền cao<br>chống lại sự ăn mòn hóa học và vật lí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Cái               | Cái         | 1        |

| TT  | Nội dung cầu                              | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Quy cách đóng gói | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|-------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------|----------|
|     |                                           | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ chế khoá ngăn sự thay đổi ngẫu nhiên.</li> <li>- Có thể hấp tiết trùng nguyên cây</li> <li>- Piston 2 bước cho phép kỹ thuật Reverse.</li> <li>- Màn hình hiển thị 4 chữ số lớn</li> <li>- Cơ chế niêm phong PTFE đặc biệt trong vòng O-ring.</li> <li>- Tương thích với nhiều loại đầu tip</li> <li>- Đạt chứng nhận ISO13485, ISO 17025; ISO 9001; CE</li> </ul>                                                                                                                      |                   |             |          |
| 147 | Micropipette 1 kênh thể tích 2-20 $\mu$ L | <p>Micropipet 1 kênh 2-20ul</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đầu tip làm bằng PVDF có độ bền cao chống lại sự ăn mòn hóa học và vật lí</li> <li>- Cơ chế khoá ngăn sự thay đổi ngẫu nhiên.</li> <li>- Có thể hấp tiết trùng nguyên cây</li> <li>- Piston 2 bước cho phép kỹ thuật Reverse.</li> <li>- Màn hình hiển thị 4 chữ số lớn</li> <li>- Cơ chế niêm phong PTFE đặc biệt trong vòng O-ring.</li> <li>- Tương thích với nhiều loại đầu tip</li> <li>- Đạt chứng nhận ISO13485, ISO 17025; ISO 9001; CE</li> </ul> | Cái               | Cái         | 1        |
| 148 | Miếng dán nhôm cho plate PCR 956 well     | <p>Tương thích với plate 96 well cho PCR 0.2mL.</p> <p>Độ bám dính tốt</p> <p>Không chứa DNA, RNA, DNase, Rnase, chất ức chế PCR</p> <p>Chịu được nhiệt độ từ -20oC đến 120oC</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 100 miếng/hộp     | Hộp         | 1        |
| 149 | MiSeq Reagent Kit v2 (300-cycles)         | <p>Hóa chất giải trình tự trên hệ thống máy MiSeq/ MiSeq Dx ở module nghiên cứu.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bao gồm MiSeq Flowcell, đệm lai, đệm kết hợp, hộp thuốc thử pha sẵn dùng 1 lần cho giải trình tự bằng sinh tổng hợp</li> <li>- Sử dụng công nghệ nhận dạng bằng sóng vô tuyến (RFID)</li> <li>- Cung cấp hóa chất cho 325 chu kỳ giải trình tự</li> <li>- Dữ liệu đầu ra tối đa: 5.1 Gb</li> </ul>                                                                                                    | Bộ                | Bộ          | 1        |

| TT  | Nội dung câu                           | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Quy cách đóng gói | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|----------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------|----------|
| 150 | Môi trường Baird Parker (BP) agar base | <p>Môi trường chọn lọc để phát hiện và định lượng coagulase dương tính staphylococci trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi, theo ISO 6888.</p> <p>- Thành phần (g/l): Pancreatic Digest of Casein 10.0; Meat Extract 5.0; Yeast Extract 1.0; Sodium Pyruvate 10.0; L-Glycine 12.0; Lithium Chloride 5.0; Agar 17.0; pH cuối cùng <math>7.2 \pm 0.2</math> ở <math>25^{\circ}\text{C}</math></p> <p>- Môi trường tổng hợp dạng bột mịn, đồng nhất, màu be.</p> <p>- Bảo quản ở <math>10-25^{\circ}\text{C}</math></p> <p>- Tiêu chuẩn chất lượng Châu Âu/G7: DIN ISO, CE</p> | Chai/500 g        | Chai        | 1        |
| 151 | Môi trường BHI agar                    | Môi trường BHI cho nuôi cấy vi sinh, dạng bột                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Hộp 500 gr        | Hộp         | 1        |
| 152 | Môi trường Bordetella supplement       | <p>Chất bổ sung có chọn lọc để làm giàu môi trường Bordet gengou agar base để phân lập Bordetella spp.</p> <p>- Thành phần cho 1 lít môi trường: Cephalexin 40.0 mg</p> <p>- Chất bổ sung dạng đông khô, màu trắng.</p> <p>- Bảo quản: <math>10-25^{\circ}\text{C}</math></p> <p>- Đóng gói: Hộp/500g</p> <p>- Tiêu chuẩn chất lượng Châu Âu/G7: DIN ISO, CE</p>                                                                                                                                                                                                           | Hộp/500g          | Hộp         | 1        |
| 153 | Môi trường Cary blair (có chỉ thị màu) | <p>Môi trường bán rắn để thu thập, vận chuyển và bảo quản vi sinh vật.</p> <p>- Thành phần (g/l): Sodium Thioglycollate 1.5; Disodium Phosphate 1.1; Calcium Chloride 0.09; Sodium Chloride 5.0; Agar 5.0; pH cuối cùng <math>8.4 \pm 0.2</math> ở <math>25^{\circ}\text{C}</math>.</p> <p>- Môi trường tổng hợp dạng bột mịn, đồng nhất, màu be sáng.</p> <p>- Bảo quản ở <math>10-25^{\circ}\text{C}</math></p> <p>- Tiêu chuẩn chất lượng Châu Âu/G7: DIN ISO, CE</p>                                                                                                   | Chai/500 g        | Chai        | 1        |

| TT  | Nội dung câu                                  | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Quy cách đóng gói | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|-----------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------|----------|
| 154 | Môi trường citrate                            | <p>Môi trường sử dụng phân biệt và định danh nhóm vi khuẩn đường ruột thuộc họ Enterobacteriaceae dựa trên cơ sở việc sử dụng citrate.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phần (g/l): MgSO<sub>4</sub> 0,2; Ammonium Dihydrogen Phosphate 1,0; Dipotassium Phosphate 1,0; Sodium Citrate 2,0; NaCl 5,0; Brom Thymol Blue 0,08; Agar 15,0; pH cuối cùng 6,8 ± 0,2 ở 25°C</li> <li>- Môi trường dạng bột mịn, đồng nhất, màu vàng hoặc có thể hơi nhuộm màu xanh lá cây</li> <li>- Bảo quản: 10-25°</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng Châu Âu/G7: DIN ISO, CE</li> </ul> | Chai/500 g        | Chai        | 1        |
| 155 | Môi trường Columbia                           | <p>Đối với 1 lít môi trường:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Polypeptone 23.0 g</li> <li>- Starch 1.0 g</li> <li>- Sodium chloride 5.0 g</li> <li>- Bacteriological agar.5 g</li> </ul> <p>pH của môi trường sử dụng ở 25°C : 7,3 ± 0,2</p> <p>Môi trường khử nước: mịn, khô, đồng nhất, không có tạp chất, màu be.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bảo quản: 10-25°C</li> <li>- Đóng gói: Hộp/500g</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng Châu Âu/G7: DIN ISO, CE</li> </ul>                                                                                     | Hộp/500g          | Hộp         | 1        |
| 156 | Môi trường CT SMAC (Sorbitol mac conkey agar) | <p>Môi trường chọn lọc và phân biệt để phát hiện E. coli O157 từ các mẫu lâm sàng và các vật liệu khác.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phần (g/l): Pancreatic Digest of Gelatin 17.0; Peptone from Meat 1.5; Peptone from Casein 1.5; D-Sorbitol 10.0; Sodium Chloride 5.0; Bile Salts 1.5; Agar 15.0; Neutral Red 0.03; Crystal Violet 0.001; pH cuối cùng 7.1 ± 0.2 ở 25°C</li> <li>- Môi trường dạng bột mịn, đồng nhất, màu be hồng.</li> <li>- Bảo quản ở 10-25 °C</li> </ul>                                                                                | Chai/500 g        | Chai        | 1        |

| TT  | Nội dung cầu                           | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Quy cách đóng gói | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|----------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------|----------|
|     |                                        | - Tiêu chuẩn chất lượng Châu Âu/G7: DIN ISO, CE                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                   |             |          |
| 157 | Môi trường CT SMAC-supplement          | <p>Chất bổ sung cho môi trường có chọn lọc để phân lập Escherichia coli O157: H7 từ thực phẩm, mẫu môi trường và lâm sàng.</p> <p>- Thành phần (trong 1 lọ): Cefixime 0.025 mg; Potassium Tellurite 1.25 mg.</p> <p>- Chất bổ sung dạng đồng khô màu trắng.</p> <p>- Bảo quản ở 2-8 °C</p> <p>- Tiêu chuẩn chất lượng Châu Âu/G7: DIN ISO, CE</p>                                                                                                                                                                                                | Hộp/10 lọ         | Hộp         | 1        |
| 158 | Môi trường Egg yolk tellurite emulsion | <p>Nhũ tương lòng đỏ trứng vô trùng có chứa potassium tellurite được sử dụng để chuẩn bị môi trường nuôi cấy Baird Parker Agar Base (610004, 620004). Môi trường hoàn chỉnh được sử dụng để phân lập và định lượng Staphylococcus aureus trong thực phẩm, theo ISO 6888 (phần 1 và 3).</p> <p>- Thành phần: Lòng đỏ trứng gà trong một thể tích bằng nhau của dung dịch muối (0.9% NaCl) với kali tellurite (2 g/l).</p> <p>- Môi trường lòng đục màu vàng.</p> <p>- Bảo quản ở 2-8°C</p> <p>- Tiêu chuẩn chất lượng Châu Âu/G7: DIN ISO, CE</p> | Hộp/4 x 50 mL     | Hộp         | 1        |
| 159 | Môi trường Hektoen enteric agar        | <p>Môi trường chọn lọc dùng để phân lập và nuôi cấy vi khuẩn đường ruột từ mẫu thực phẩm và mẫu lâm sàng, đáp ứng các yêu cầu của APHA và ISO 21567 đối với việc phân lập và phân biệt Salmonella và Shigella spp.</p> <p>- Thành phần: Enzymatic Digest of Meat 12.0; Yeast Extract 3.0; Lactose 12.0; Saccharose 12.0; Salicin 2.0; Bile Salts No. 3 9.0; Sodium Chloride 5.0; Sodium Thiosulfate 5.0; Ammonium Ferric Citrate 1.5; Acid Fuchsin 0.1; Bromothymol Blue 0.065; Agar 15.0; pH 7.5 ± 0.2 at 25°C.</p>                             | Chai/500 g        | Chai        | 2        |

| TT  | Nội dung cầu        | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Quy cách đóng gói | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------|----------|
|     |                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Môi trường dạng bột mịn, đồng nhất, màu be</li> <li>- Bảo quản: 10-30° C</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng Châu Âu/G7: DIN ISO, CE</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                   |             |          |
| 160 | Môi trường KIA      | <p>Môi trường phân lập dùng để xác định nhóm vi khuẩn đường ruột Enterobacteria.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phần: Proteose Peptone 20.0; Sodium Chloride 5.0; Yeast Extract 3.0; Meat Extract 3.0; Ferrous Sulfate 0.2; Sodium Thiosulphate 0.3; Lactose 10.0; Glucose 1.0; Phenol Red 0.024; Agar 11.0. pH cuối cùng <math>7.4 \pm 0.2</math> ở 25 °C.</li> <li>- Môi trường bột mịn, đồng nhất, màu hồng nhạt</li> <li>- Bảo quản ở 10- 30 °C</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng Châu Âu/G7: DIN ISO, CE</li> </ul> | Chai/500 g        | Chai        | 1        |
| 161 | Môi trường MH agar  | <p>Môi trường để kiểm tra tính nhạy cảm với kháng sinh bằng kỹ thuật khuếch tán đĩa, theo CLSI và EUCAST.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phần (g/l): Beef Extract 2.0; Acid Hydrolysate of Casein 17.5; Starch 1.5; Agar 17.0; pH cuối cùng <math>7.3 \pm 0.2</math> ở 25°C</li> <li>- Môi trường khử nước: mịn, khô, đồng nhất, không có tạp chất, màu be.</li> <li>- Bảo quản: 10-25°C</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng Châu Âu/G7: DIN ISO, CE</li> </ul>                                                            | Chai/500 g        | Chai        | 1        |
| 162 | Môi trường MH broth | <p>Môi trường lỏng để kiểm tra định lượng tính nhạy cảm kháng sinh của sự phát triển nhanh chóng các sinh vật hiếu khí bằng quy trình pha loãng nước dùng, theo tiêu chuẩn của CLSI.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phần (g/l): Beef Extract 3.0; Acid Hydrolysate of Casein 17.5; Starch 1.5; pH cuối cùng <math>7.3 \pm 0.1</math> ở 25°C.</li> <li>- Môi trường tổng hợp dạng bột mịn, đồng nhất, không có tạp chất.</li> <li>- Bảo quản: 10-25°C</li> </ul>                                                         | Chai/500 g        | Chai        | 1        |